

CHỈ THỊ của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 131-CT ngày 3-5-1990 về việc tiếp tục đổi mới chính sách và cơ chế quản lý hoạt động xuất, nhập khẩu.

Năm 1989, cơ chế xuất nhập khẩu đã được đổi mới một bước quan trọng, đem lại những kết quả nhất định, đồng thời cũng cho thấy những bộc lộ mới, cần được tiếp tục chấn chỉnh đổi mới theo những hướng cơ bản trong Nghị định 64-HĐBT ngày 10-6-1989 của Hội đồng Bộ trưởng.

Để chuẩn bị xây dựng chính sách và cơ chế quản lý hoạt động xuất, nhập khẩu phù hợp với tình hình mới của kế hoạch 5 năm tiếp theo, trong năm 1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chỉ thị các Bộ liên quan chỉ đạo thi hành một số việc dưới đây:

I. VỀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TIỀN HÀNG XUẤT, NHẬP KHẨU THEO NGHỊ ĐỊNH THƯ

Bộ Tài chính chủ trì cùng Ngân hàng Nhà nước và Bộ Thương nghiệp nghiên cứu, trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng trong đầu quý IV năm 1990 một cơ chế hoàn chỉnh về thanh toán tiền hàng xuất, nhập khẩu theo nguyên tắc: nguồn vốn thanh toán tiền hàng xuất khẩu được thực hiện từ ngân sách Nhà nước; tiền thanh toán hàng nhập khẩu do các chủ hàng nội địa chịu trách nhiệm thanh toán, thông qua kế hoạch và hợp đồng nhập khẩu ký với chủ hàng nhập khẩu. Trường hợp do ngân sách chi trả thì phải được phản ánh rõ trong kế hoạch tài chính của ngành, đơn vị và phải được bố trí trong ngân sách Nhà nước của năm kế hoạch; Ngân hàng là trung tâm thanh toán giữa ngân sách với chủ hàng nhập khẩu, xuất khẩu, đồng thời cũng là trung tâm thanh toán giữa chủ hàng nhập khẩu

với đơn vị sử dụng hàng nhập khẩu; giữa chủ hàng xuất khẩu với đơn vị kinh doanh hàng xuất khẩu.

Trong năm 1990, việc thanh toán thực hiện như sau:

a) Đối với hàng nhập khẩu

Từ nay, khi hàng nhập về đến cảng, căn cứ vào danh sách chủ hàng nhập khẩu (đơn vị ký hợp đồng nhập khẩu với bên ngoài) và tỷ giá thanh toán từng nhóm hàng nhập theo quy định hiện hành, Ngân hàng ngoại thương trích tài khoản tiền gửi thanh toán của chủ hàng nhập khẩu chuyển vào tài khoản tiền gửi của ngân sách.

Trường hợp chủ hàng nhập khẩu không đủ vốn thanh toán thì ngân hàng ngoại thương cho vay để chuyển trả đủ ngân sách; lãi suất vay được áp dụng theo mức lãi suất ưu đãi đã được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng duyệt.

Sau 15 ngày, kể từ ngày chủ hàng nội địa (đơn vị lên đơn hàng nhập khẩu) nhận được thông báo của chủ hàng nhập khẩu về việc hàng đã về cảng, nếu các chủ hàng nội địa không đến nhận hàng và thanh toán cho chủ hàng nhập khẩu theo hợp đồng đã ký, thì chủ hàng nhập khẩu được phép tổ chức việc tiêu thụ khối lượng hàng nhập đó trên nguyên tắc bảo đảm đủ nguồn thu cho ngân sách.

b) Đối với hàng xuất khẩu theo Nghị định thư

— Thanh toán giữa chủ hàng xuất khẩu (đơn vị ký hợp đồng xuất khẩu với bên ngoài) và các tổ chức sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu (đơn vị ký hợp đồng giao hàng cho chủ hàng xuất khẩu):

Việc thanh toán giữa chủ hàng xuất khẩu và các tổ chức sản xuất — kinh doanh hàng xuất khẩu thực hiện ngay sau khi hàng được giao cho chủ hàng xuất khẩu theo đúng các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký, nhất thiết không được kéo dài gây khó khăn cho đơn vị sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu.

— Thanh toán giữa ngân sách Nhà nước (thông qua Bộ Thương nghiệp) và chủ hàng xuất khẩu:

Bộ Thương nghiệp chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, tiếp tục phương thức thanh toán đã thực hiện trong năm 1989 (theo chỉ thị số 288-CT ngày 16-10-1989 của Hội đồng Bộ trưởng).

Trường hợp tài khoản ngân sách tạm thời không đủ vốn chuyển cho Bộ Thương nghiệp để thanh toán cho chủ hàng xuất khẩu thì Bộ Tài chính có trách nhiệm vay ngân hàng để có nguồn thanh toán kịp thời cho chủ hàng xuất khẩu. Lãi vay trong trường hợp này, Bộ Tài chính cùng với Ngân hàng Nhà nước xử lý tùy từng nguồn vay cụ thể, không được để chủ hàng xuất khẩu phải vay ngân hàng và chịu phạt lãi quá hạn như hiện nay.

Mọi sự thanh toán chậm trễ, các cơ quan có trách nhiệm thanh toán phải trả lãi cho chủ hàng theo quy định tại điểm a điều 11 Nghị định 64 của Hội đồng Bộ trưởng.

c) Bộ Tài chính cùng Ngân hàng Nhà nước bàn bạc thống nhất phương thức mở tài khoản tiền ngân sách thanh toán xuất nhập khẩu, bổ sung vốn tín dụng luân chuyển cần thiết cho ngân hàng ngoại thương nhằm bảo đảm việc thanh toán tiền hàng xuất khẩu bình thường, không gây ách tắc cho người sản xuất.

d) Trong tháng 5 năm 1990, Bộ Tài chính có trách nhiệm bố trí nguồn vốn thanh toán dứt điểm các khoản nợ quá hạn về thanh toán hàng xuất khẩu trong năm 1988 — 1989 và phần nợ của quý I năm 1990.

II. VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XUẤT, NHẬP KHẨU

1. Đối với một số hàng hóa cần quản lý bằng hạn ngạch: Căn cứ nhu cầu tiêu thụ của thị trường trong và ngoài nước, sau khi tham khảo ý kiến các địa phương, căn cứ kế hoạch sản xuất của các xí

niệp sản xuất trong nước và các Hiệp Hội xuất, nhập khẩu hữu quan, Bộ trưởng các Bộ là người chịu trách nhiệm đưa ra kế hoạch về số lượng hàng hóa cần xuất, cần nhập đối với các mặt hàng cần định hạn ngạch thuộc ngành mình sản xuất hoặc cung ứng.

Căn cứ kế hoạch nói trên của các Bộ, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chịu trách nhiệm xem xét, tổng hợp trên cơ sở cân đối chung của nền kinh tế quốc dân và khả năng thanh toán quốc tế của Nhà nước trong năm kế hoạch, trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt hạn ngạch những mặt hàng có quan hệ trực tiếp đến những cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân cần xuất, nhập khẩu.

Eộ Thương nghiệp chịu trách nhiệm bàn với các Hiệp hội xuất nhập khẩu các ngành hàng và phân bổ hạn ngạch đã được duyệt cho các Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu.

Các Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu, phân bổ hạn ngạch cho các đơn vị đã được quyền kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Thương nghiệp và các Bộ sản xuất chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện quy trình trên để việc xét duyệt các chỉ tiêu, danh mục các mặt hàng chủ yếu được thực hiện xong trong quý IV hàng năm trước năm kế hoạch.

2. Đối với năm 1990, trong khi Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xem xét, duyệt chỉ tiêu, danh mục các mặt hàng cần phải quản lý bằng hạn ngạch, Bộ Thương nghiệp bàn với các Bộ, ngành sản xuất hữu quan đề cấp hạn ngạch ở mức nhu cầu đã cấp trong năm 1989 (bao gồm cả hàng nhập để bán thu ngoại tệ) đối với 7 mặt hàng xuất và 12 mặt hàng nhập.

Đối với các hàng hóa bán tại các cửa hàng bán thu ngoại tệ thuộc danh mục hàng hóa quản lý bằng hạn ngạch, từ ngày 1 tháng 5 năm 1990 áp dụng theo cơ chế quản lý chung đối với các mặt hàng cần quản lý bằng hạn ngạch.

Đối với các loại hàng hóa không quản lý bằng hạn ngạch, các đơn vị kinh doanh xuất nhập khẩu được đăng ký mặt hàng số lượng và thị trường mua bán tại Bộ Thương nghiệp. Bộ Thương nghiệp có trách nhiệm tổng hợp và trao đổi ý kiến với Ủy ban kế hoạch Nhà nước để cân đối chung với sản xuất và nhu cầu trong nước để cấp giấy phép xuất nhập khẩu, điều hòa quan hệ cung cầu.

Đối với một số mặt hàng nhập trong từng thời gian có chênh lệch giá cao (như xe gắn máy, ô tô du lịch các loại) trong khi chờ đợi sự điều chỉnh hợp lý mức thuế nhập khẩu, Bộ Thương nghiệp bàn với Bộ Tài chính được thu một khoản phụ thu (ngoài phần thuế nhập khẩu theo chính sách hiện hành) nộp ngân sách Nhà nước.

Bộ Thương nghiệp bàn với các Bộ sản xuất hữu quan và các địa phương có khả năng để tích cực xúc tiến tổ chức liên doanh với nước ngoài về lắp ráp xe gắn máy và ô tô các loại, giảm dần mức nhập khẩu các loại hàng này và có phần để xuất khẩu. Sớm ban hành quy chế về nhập khẩu các loại xe này để khắc phục tình trạng nhập tràn lan, nhiều mác xe, gây bất lợi về mặt giá cả và phụ tùng thay thế, bảo dưỡng.

3. Về việc rà xét lại các biểu thuế suất hàng xuất, nhập khẩu.

Bộ Tài chính chủ trì cùng Bộ Thương nghiệp, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, rà xét lại các biểu thuế suất hàng hóa xuất, nhập khẩu trên nguyên tắc:

a) Khuyến khích mạnh việc xuất khẩu các loại hàng hóa sản xuất bằng nguyên liệu trong nước; sử dụng được lao động dư thừa hiện có; những sản phẩm được chế biến từ kỹ thuật sản xuất đơn giản nhưng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu; những sản phẩm vượt quá nhu cầu thị trường trong nước; các sản phẩm của các thành phần kinh tế đầu tư vào sản xuất, hình thành được các vùng chuyên canh cây,

con xuất khẩu, hoặc các xí nghiệp chế biến gia công hàng xuất khẩu.

b) Khuyến khích nhập khẩu các nguyên liệu, vật liệu, các thiết bị kỹ thuật tiên tiến để sản xuất, chế biến các mặt hàng tiêu dùng nội địa và hàng xuất khẩu; các mặt hàng tiêu dùng phổ biến có nhu cầu mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất chưa đáp ứng nhu cầu.

c) Đối với những mặt hàng chỉ có nhu cầu tiêu dùng ở những người có thu nhập cao, những mặt hàng phải hạn chế tối đa việc nhập khẩu thì áp dụng mức thuế suất cao khi nhập khẩu, hoặc cấm nhập trong từng thời gian.

d) Trong từng thời gian, đối với một số mặt hàng giá cả trên thị trường thế giới có biến động, giá xuất khẩu giảm sút, cần kịp thời thực hiện các biện pháp để hỗ trợ hàng xuất khẩu bảo đảm cho hàng hóa không bị ứ đọng, người làm hàng xuất khẩu không bị lỗ để khuyến khích sản xuất.

Chậm nhất là hết tháng 5 năm 1990, Bộ Tài chính trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về những kiến nghị cụ thể đối với biểu thuế suất hàng hóa xuất, nhập khẩu theo các nguyên tắc nêu trên.

e) Bộ Thương nghiệp bàn với Bộ Tài chính và các Bộ liên quan nghiên cứu trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc lập quỹ bảo hiểm sản xuất hàng xuất khẩu trích từ một phần thuế và một phần lãi của những hàng xuất khẩu và nhập khẩu đang có lãi nhiều, dùng để trợ giá cho các mặt hàng xuất bị lỗ nhưng phải xuất để bảo vệ sản xuất trong nước.

Trước mắt, các ngành sản xuất, các Hiệp hội xuất khẩu theo ngành hàng, đặc biệt là hàng nông sản, phải có trách nhiệm bàn với các cơ sở sản xuất và kinh doanh hàng xuất khẩu lập quỹ hỗ trợ và bảo hiểm cho người sản xuất. Quỹ này do các đơn vị sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu đóng góp và được điều hành theo quy chế do các ngành hàng sản xuất và các Hiệp hội xuất khẩu thỏa thuận.

III. VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

Hệ thống các tổ chức kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu trực tiếp với bên ngoài cần được sắp xếp, chấn chỉnh theo nguyên tắc: khuyến khích các cơ sở, xí nghiệp trực tiếp sản xuất và chế biến hàng xuất khẩu; các tổ chức kinh tế thực sự bỏ vốn đầu tư cho các cơ sở, xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu; các tổ chức kinh doanh ngoại thương thuộc các ngành hàng thực hiện các đơn đặt hàng, hợp đồng ngoại thương lớn của Nhà nước; các tổ chức ngoại thương chuyên doanh lớn, hạn chế số công ty đơn thuần kinh doanh hàng xuất khẩu mà không trực tiếp đầu tư để làm hàng xuất khẩu, củng cố và tiếp tục tổ chức mới các Hiệp hội (hoặc liên đoàn) xuất nhập khẩu theo ngành hàng để cùng tổ chức việc xuất nhập khẩu đạt hiệu quả cao hơn, cạnh tranh với nước ngoài tốt hơn.

Trước mắt, việc xét duyệt được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Các cơ sở xí nghiệp quốc doanh, Công tư hợp doanh sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu, các tổ chức kinh doanh ngoại thương theo ngành hàng, các tổ chức quốc doanh kinh doanh ngoại thương thuộc các cấp quản lý đều được Bộ Thương nghiệp xem xét các điều kiện cụ thể và được phép xuất nhập khẩu trực tiếp thường xuyên. Đơn vị kinh doanh xuất nhập khẩu chuyên doanh có thể kinh doanh nhiều ngành hàng tùy theo khả năng kinh doanh của mình (khuyến khích việc đầu tư sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu) nhưng phải đăng ký kinh doanh từng mặt hàng với từng cơ quan quản lý ngành hàng; phải hội đủ các điều kiện cần thiết để kinh doanh ngành hàng đó và phải đóng lệ phí (môn bài) theo ngành hàng đăng ký.

2. Đối với các hợp tác xã sản xuất và đơn vị sản xuất tư nhân (được phép kinh doanh) nếu có hàng hóa đủ tiêu chuẩn xuất

khẩu thì xuất khẩu ủy thác qua các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp thường xuyên do cơ sở, hợp tác xã lựa chọn; trường hợp có những lô hàng xuất khẩu có khách hàng bên ngoài quan hệ trực tiếp, đặc biệt là đối với hàng hóa khuyến khích xuất khẩu như hàng mỹ nghệ, hàng sản xuất bằng mây tre, song, sành sứ, gốm... sau khi được Bộ Thương nghiệp kiểm tra, xác nhận đủ điều kiện thì các hợp tác xã và tổ chức sản xuất tư nhân này được xét cấp giấy phép xuất khẩu trực tiếp thường xuyên hoặc từng chuyển loại hàng đó.

3. Đối với các mặt hàng xuất khẩu: gạo, cà phê, lạc, cao su, gỗ, tân dược, chè, dầu thực vật, than đá, kim loại màu, một số loại hải sản, xi măng, đường chỉ được phép xuất khẩu qua các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp thường xuyên và những tổ chức xuất nhập khẩu là thành viên các Hiệp hội xuất nhập khẩu các mặt hàng này. Trong một số trường hợp đặc biệt, phải có quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Từ nay, cần hạn chế xuất khẩu các loại nguyên liệu thô, hạn chế dần và tiến tới chấm dứt xuất khẩu các loại gỗ tròn, song, mây nguyên liệu, da trâu, bò muối; đồng thời tích cực xây dựng các cơ sở chế biến hàng xuất khẩu bằng các loại nguyên liệu này.

4. Đối với các mặt hàng nhập có hạn ngạch và các mặt hàng nhập: xăng, dầu, sắt, thép, bông nguyên liệu, phân bón, thuốc trừ sâu, xi măng và đường, việc nhập khẩu thực hiện chủ yếu là qua các tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu trực tiếp thường xuyên. Trong một số trường hợp đặc biệt, phải có quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Bộ trưởng các Bộ Thương nghiệp, Tài chính, Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức thi hành ngay Chỉ thị này theo phạm vi trách nhiệm của từng Bộ, cơ quan.

Giữa quý IV năm 1990, các Bộ, ngành tổ chức sơ kết và Bộ Thương nghiệp chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về tình hình thực hiện và những kiến nghị sửa đổi Nghị định 64-HĐBT, nhằm tiếp tục từng bước đổi mới cơ chế, chính sách xuất nhập khẩu đáp ứng sự đổi mới chung trong hệ thống quản lý nền kinh tế quốc dân.

K. T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

CÁC BỘ

BỘ LAO ĐỘNG — THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

THÔNG TƯ số 5/LĐTBXH-TT ngày 24-4-1990 hướng dẫn thi hành chế độ trợ cấp mất sức lao động theo Quyết định số 60-HĐBT ngày 1 tháng 3 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng.

Căn cứ vào quyết định số 60-HĐBT ngày 1-3-1990 của Hội đồng Bộ trưởng, sau khi trao đổi thống nhất với Bộ Tài chính và Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam; Bộ Lao động — Thương binh và xã hội hướng dẫn thi hành như sau:

I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CỦA VIỆC SỬA ĐỔI CHẾ ĐỘ

Nội dung sửa đổi chủ yếu giải quyết một số điểm không hợp lý về thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng nhằm:

1. Điều chỉnh một bước về nguyên tắc phân phối theo lao động, bảo đảm công

bằng xã hội, có ưu đãi đối với những người đã có nhiều cống hiến cho đất nước, bảo đảm mối tương quan với các chế độ khác trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và mối quan hệ giữa các đối tượng được ưu đãi.

2. Nâng cao trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng sức khỏe cho công nhân, viên chức, góp phần bảo đảm việc quản lý và sử dụng tốt sức lao động; đồng thời bảo đảm quyền nghỉ việc chính đáng của người lao động.

3. Động viên công nhân, viên chức đề cao kỷ luật lao động, khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong việc thực hiện chế độ trợ cấp mất sức lao động.

II. NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHẾ ĐỘ

1. Thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng

a) Đối tượng thi hành quy định trong điều 1 của quyết định số 60-HĐBT là công nhân, viên chức Nhà nước, bao gồm cả công nhân viên quốc phòng và công nhân ngành công an đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng trước ngày 9-10-1989 (ngày ban hành quyết định số 176-HĐBT).

b) Thời hạn hưởng trợ cấp hàng tháng bằng một nửa thời gian công tác đã quy đổi (trừ một số đối tượng được quy định trong điều 2 của quyết định số 60-HĐBT).

c) Những người không thuộc đối tượng được tiếp tục hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng theo quy định trong điều 2 của quyết định số 60-HĐBT, nếu đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng trước ngày 1-7-1990 thì được hưởng trợ cấp hết tháng 6-1990 theo quy định tại điều 3 của Quyết định số 60-HĐBT.